

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐỒNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 106/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2019, về việc hôn nhân và gia đình giữa:

*** Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1995**

HKTT: Thôn B, xã D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Trú tại: thôn Y, xã R, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1988**

Trú tại: thôn B, xã D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 21/7/2015.

Người giám hộ cho cháu N: Chị Lê Thị N, sinh năm 1995

Đều trú tại: thôn Y, xã R, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, lập ngày 02/5/2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đồng sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/5/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đồng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

- 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Duy H.**
- 2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đồng sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Duy H cùng thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị N và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 21/7/2015.

Hai bên thống nhất giao cháu Nguyễn Duy N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị N và anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh H có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:** Chị N và anh H khẳng định không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- **Về án phí:** Chị N tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) dự phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001180 ngày 19/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên trả lại cho chị N số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

Nơi nhận :

- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã D;
- L- u HSVA.

**THẨM PHÁN
BÙI VĂN TÂN**